

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về mã sinh viên, mã lớp các hệ và ngành đào tạo
của trường Đại học Việt Bắc**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC VIỆT BẮC

Căn cứ Quyết định số 1341/QĐ-TTg ngày 05/8/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Việt Bắc;

Căn cứ Quyết định số 2742/QĐ-UBND ngày 08/9/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên về việc công nhận Hội đồng quản trị và các chức vụ lãnh đạo Trường Đại học Việt Bắc;

Căn cứ Quyết định số 05/2020/QĐ-HĐQT ngày 08/5/2020 của Hội đồng Quản trị Trường Đại học Việt Bắc về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Việt Bắc;

Căn cứ Quyết định số 129/QĐ-TTg ngày 02 tháng 8 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế Văn hoá công sở tại các cơ quan hành chính Nhà nước;

Căn cứ điều kiện thực tế của Trường Đại học Việt Bắc;

Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Công tác HSSV,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Quy định về Văn hóa học đường và quy tắc ứng xử văn hóa của người học tại Trường Đại học Việt Bắc.

Điều 2. Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) trưởng phòng CT HSSV, phòng ĐT-QLKH-HTQT, các đơn vị có liên quan, cán bộ, giảng viên, học viên và sinh viên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3 (t/h);
- Lưu VT.



KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS Tô Văn Bình

QUY ĐỊNH
VỀ MÃ SINH VIÊN, MÃ LỚP CÁC HỆ VÀ NGÀNH ĐÀO TẠO
CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC VIỆT BẮC

(Ban hành kèm Quyết định số 20/QĐ-ĐHVB ngày 19 tháng 01 năm 2021 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Việt Bắc)

I. Quy ước mã sinh viên:

1. Mã sinh viên dùng để gắn cho từng HSSV và theo sinh viên từ khi nhập học đến khi ra trường.

HSSV tất cả các trình độ, hệ đào tạo (chính quy, vừa làm vừa học) do Nhà trường đào tạo, cấp bằng tốt nghiệp đều được gắn mã số trên cơ sở các Quy định của nhà trường.

Mỗi HSSV được gắn một mã số duy nhất. Mã số này vĩnh viễn thuộc về HSSV đó, mã số này không được sử dụng lại để gắn cho HSSV khác. Trường hợp HSSV lưu ban, chuyển khóa học, lớp học hoặc hệ đào tạo, mã số ban đầu khi nhập trường sẽ được giữ nguyên và tiếp tục sử dụng (HSSV không được gắn mã số mới khi chuyển đến lớp mới, khóa mới, trừ khi được tuyển mới);

2. Mã sinh viên được cấu trúc bởi công thức: DVBAABBCCDDDD.

- “DVB”: Là mã trường Đại học Việt Bắc.
- “AA”: Là hai số cuối của năm tuyển sinh.
- “BB”: Là ký hiệu về các hệ đào tạo.

TT	Trình độ đào tạo	Mã
1	Đại học chính quy	05
2	Liên thông từ TC lên ĐH	01
3	Liên thông từ CĐ lên ĐH	03
4	Liên thông từ ĐH sang ĐH	06
5	Thạc sỹ	08

- “CC”: Là ký hiệu về các hình thức đào tạo.

TT	Trình độ và hình thức đào tạo	Mã
1	Chính quy	01
2	Vừa Làm vừa học	02
3	Đào tạo từ xa	03

d. “DDDD”: Là ký hiệu về số thứ tự sinh viên

- **Ví dụ: Sinh viên có mã:** DVB2105010001 được hiểu là:

+ Sinh viên trường Đại học Việt Bắc.

+ Nhập học năm 2021.

+ Trình độ đào tạo: Đại học chính quy.

+ Hình thức đào tạo: Chính quy.

+ Số thứ tự là 0001.

- **Ví dụ sinh viên có mã là:** DVB2101030001 được hiểu là:

+ Sinh viên trường Đại học Việt Bắc.

+ Nhập học năm 2021.

+ Trình độ đào tạo: Liên thông từ TC lên ĐH.

+ Hình thức đào tạo: Đào tạo từ xa.

+ Số thứ tự là 0001.

II. Quy định về mã hóa tên lớp sinh viên

1. Mã lớp: Để chỉ một nhóm sinh viên thuộc cùng khóa học, cùng ngành học, cùng trình độ và hình thức đào tạo.

2. Mã lớp sinh viên được cấu trúc bởi công thức: KAABCCDDEE.

a. K: Là viết tắt của từ “Khóa” đào tạo.

b. AA: Là thứ tự khóa đào tạo.

c. BB: Quy định trình độ đào tạo.

TT	Trình độ đào tạo	Mã
1	Đại học	A
2	Liên thông Đại học (TC, CĐ, ĐH – ĐH)	B
3	Thạc sỹ	C

d. “CC”: Quy định hình thức đào tạo.

TT	Trình độ và hình thức đào tạo	Mã
1	Chính quy	01

TT	Trình độ và hình thức đào tạo	Mã
2	Vừa Làm vừa học	02
3	Đào tạo từ xa	03

đ. “DD”: Quy định về ngành học:

TT	Ngành học	Mã
1	Kỹ thuật cơ khí	CK
2	Kỹ thuật điện	KĐ
3	Quản trị kinh doanh	QT
4	Kế toán	KT
5	Công nghệ thông tin	CT
6	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	MT
7	Ngôn ngữ anh	NA
8	Ngôn ngữ Hàn quốc	NH
9	Luật	LU
10	Du lịch	DL
11	Khối ngành Kinh tế (QTKD và Kế toán)	QK
12	Khối ngành Kỹ thuật (Điện, Cơ)	ĐC
13	Khối ngành Ngôn ngữ (Anh, Hàn)	NN
14	CNTT, MMT và TTDL	CM

e. “EE”: Là số thứ tự lớp

Ví dụ: Lớp có ký hiệu:Lớp K09B03NA02, được hiểu là:

- Khóa 9
- Trình độ đào tạo: Liên thông.
- Hình thức đào tạo: Đào tạo từ xa.
- Ngành học: Ngôn ngữ anh.
- Số thứ tự của lớp: Lớp thứ 2.

Nơi nhận:

- BGH;
- Các đơn vị trong trường (t/h);
- Lưu: VT.

